

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý,
nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với
sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 259/TTr-SKHCN ngày 28 tháng 4 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Quyết định ban hành Quy chế quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2026. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (đăng công báo);
- Phòng: Nội chính; KGVX (B₁₂);
- Lưu: VT, KP261/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể,
nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm OCOP của tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đối với các sản phẩm OCOP.
- Các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là chủ thể OCOP) tham gia thực hiện truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cà Mau hoặc được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.
- Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý; chủ giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Hệ thống truy xuất nguồn gốc) là hệ thống bao gồm hoạt động định danh sản phẩm, hàng hóa; thu thập, lưu trữ và chia sẻ thông tin về trạng thái của sản phẩm, hàng hóa theo thời gian, địa điểm nhằm quản lý thông tin về chất lượng và an toàn của sản phẩm, hàng hóa.
- Cổng truy xuất nguồn gốc sản phẩm tỉnh Cà Mau (sau đây gọi là Cổng truy xuất nguồn gốc) bao gồm hệ thống phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu để phục vụ việc cung cấp thông tin về nguồn gốc sản phẩm. Địa chỉ truy cập Cổng truy xuất nguồn gốc: <https://txng.camau.gov.vn>.
- Tài khoản quản trị là tài khoản có chức năng quản lý và phân quyền sử dụng cho các tài khoản người dùng.

4. Tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý là tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

5. Chủ giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận là tổ chức được Cục Sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, thực hiện quyền của mình trong phạm vi và thời hạn bảo hộ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Chương II

QUẢN LÝ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC

Điều 4. Quản lý dữ liệu truy xuất nguồn gốc và vật mang dữ liệu

1. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc của từng sản phẩm OCOP trong Hệ thống truy xuất nguồn gốc bao gồm các thông tin sau:

- a) Tên sản phẩm;
- b) Hình ảnh sản phẩm;
- c) Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh;
- d) Địa chỉ, thông tin liên hệ của đơn vị sản xuất, kinh doanh;
- đ) Xuất xứ sản phẩm;
- e) Các sự kiện theo dõi trọng yếu và thời gian diễn ra sự kiện trong chuỗi cung ứng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12850:2019 hoặc tiêu chuẩn về truy xuất nguồn gốc toàn cầu của GS1 (GS1 Global Traceability Standard);
- g) Thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri sản phẩm (nếu có);
- h) Thời hạn sử dụng của sản phẩm (nếu có);
- i) Các tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn cơ sở được áp dụng.

2. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP để phục vụ tổ chức, cá nhân tiêu dùng tra cứu trên Cổng truy xuất nguồn gốc bao gồm các thông tin sau:

- a) Tên sản phẩm;
- b) Hình ảnh sản phẩm;
- c) Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh;
- d) Địa chỉ, thông tin liên hệ của đơn vị sản xuất, kinh doanh;
- đ) Xuất xứ sản phẩm;
- e) Thương hiệu, nhãn hiệu, số lô/mẻ hoặc số sê-ri sản phẩm (nếu có);
- g) Thời hạn sử dụng của sản phẩm (nếu có).

3. Ngoài nội dung quy định khoản 1, khoản 2 Điều này, chủ thể OCOP được khuyến khích bổ sung thêm các thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ của đơn vị hợp tác phân phối sản phẩm;

- b) Câu chuyện về sản phẩm, về thương hiệu;
- c) Thông tin về vùng nguyên liệu (bao gồm thông tin sau: tên hộ liên kết, thông tin liên hệ, quy mô cung cấp nguyên liệu);
- d) Các chứng nhận, giải thưởng đã đạt được;
- đ) Các nội dung của Bản tự công bố sản phẩm;
- e) Mã số mã vạch sản phẩm;
- g) Vị trí địa lý của cơ sở.

4. Thay đổi, cập nhật dữ liệu truy xuất nguồn gốc

a) Chủ thể OCOP có thể dùng tài khoản sử dụng được cấp để thay đổi, cập nhật và bổ sung các dữ liệu truy xuất nguồn gốc quy định tại điểm a, b, d, đ, e và g khoản 3 Điều này;

b) Đối với dữ liệu truy xuất nguồn gốc quy định tại khoản 1 Điều này và điểm c khoản 3 Điều này phải được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, phê duyệt;

c) Quy trình thay đổi dữ liệu truy xuất nguồn gốc:

Bước 1: chủ thể OCOP gửi thông tin dữ liệu cần thay đổi đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông qua tài khoản sử dụng đã được cấp;

Bước 2: khi nhận được yêu cầu, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiến hành xem xét, kiểm tra để phê duyệt thông tin. Trường hợp từ chối, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng sẽ nêu rõ lý do từ chối phê duyệt và chủ thể OCOP có trách nhiệm giải trình và chỉnh sửa bổ sung.

5. Quản lý vật mang dữ liệu truy xuất

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sử dụng vật mang dữ liệu là mã QR, thuộc loại mã vạch hai chiều theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13275:2020 Truy xuất nguồn gốc - Định dạng vật mang dữ liệu do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố. Vật mang dữ liệu này được in trên nhãn dán đề can cùng với những chi tiết khác, tổng thể tạo thành tem mã QR truy xuất nguồn gốc (theo Phụ lục kèm theo Quy chế này), bảo đảm thiết bị có thể đọc được. Thông tin sau khi giải mã bao gồm tối thiểu các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Quản lý tài khoản Hệ thống truy xuất nguồn gốc

1. Sở Khoa học và Công nghệ (trực tiếp là Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tài khoản quản trị Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

2. Mỗi chủ thể OCOP khi tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc được Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp một tài khoản sử dụng để đăng nhập và thực hiện các chức năng về quản lý, cập nhật, khai thác Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Chương III

QUẢN LÝ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ, NHÃN HIỆU TẬP THỂ, NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 6. Quản lý nhà nước về chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; đồng thời, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ và Điều 7 Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 và Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, chủ giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật và quy chế sử dụng đã được ban hành.

2. Tổ chức kiểm soát việc sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; bảo đảm các chủ thể OCOP sản xuất sản phẩm mang các đối tượng này đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định.

3. Công khai, cập nhật danh sách các tổ chức, cá nhân được phép sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

4. Theo dõi, thực hiện các biện pháp để phòng ngừa và ngăn chặn các hành vi xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn các chủ thể OCOP tham gia và cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận khi đáp ứng các điều kiện theo quy định.

6. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình quản lý, sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

Chương IV

QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THẺ OCOP

Điều 8. Quyền của chủ thẻ OCOP

1. Sử dụng tài khoản do Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp để khai thác các chức năng của Hệ thống truy xuất nguồn gốc.
2. Sử dụng tem mã QR truy xuất nguồn gốc dán hoặc gắn trên một đơn vị sản phẩm đã tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc khi đưa ra lưu thông trên thị trường.
3. Chủ thẻ OCOP đã được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận được thực hiện các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 Điều 124 Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 và khoản 47 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 07/2022/QH15 đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, phương tiện kinh doanh của mình.

Điều 9. Trách nhiệm của chủ thẻ OCOP

1. Sử dụng, bảo mật tài khoản sử dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc được cung cấp theo đúng mục đích, tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy chế này.
2. Đăng tải thông tin lên Hệ thống truy xuất nguồn gốc phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, kịp thời và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã đăng tải, cập nhật.
3. Cập nhật nhật ký điện tử theo từng lô sản xuất đối với sản phẩm tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc.
4. Thực hiện kích hoạt tem mã QR truy xuất nguồn gốc theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Quy chế này; chia sẻ dữ liệu với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa Quốc gia theo quy định; dán hoặc gắn lên sản phẩm khi đưa ra lưu thông trên thị trường.
5. Không sử dụng tem mã QR truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chưa được xác nhận tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc.
6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật.
7. Tuân thủ đúng theo quy chế quản lý, sử dụng cụ thể đối với từng loại sản phẩm đã được bảo hộ, cụ thể:
 - a) Đối với chỉ dẫn địa lý: tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng chỉ dẫn địa lý đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm sản phẩm đáp ứng đầy đủ các điều kiện về nguồn gốc địa lý, chất lượng, đặc tính và phương pháp sản xuất theo hồ sơ đăng ký chỉ dẫn địa lý; chấp hành việc kiểm soát của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
 - b) Đối với nhãn hiệu tập thể: tuân thủ Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể đã được chủ sở hữu ban hành và được cơ quan có thẩm quyền ghi nhận khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; sử dụng nhãn hiệu đúng đối tượng, phạm vi, điều kiện và tiêu chuẩn chất lượng đã quy định;

c) Đối với nhãn hiệu chứng nhận: tuân thủ Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu; bảo đảm sản phẩm, dịch vụ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chứng nhận; chịu sự kiểm soát của chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

8. Chủ thể OCOP không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 10. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Đối với quản lý truy xuất nguồn gốc:

a) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống truy xuất nguồn gốc, hỗ trợ các cơ quan nhà nước tích hợp, khai thác, sử dụng hiệu quả;

b) Tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và tài liệu hướng dẫn, áp dụng truy xuất nguồn gốc;

c) Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về hoạt động truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã số mã vạch, ghi nhãn hàng hóa và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm cho các đối tượng có liên quan;

d) Phối hợp các đơn vị liên quan nghiên cứu, phát triển các giải pháp kỹ thuật nhằm bảo đảm khả năng tương tác, trao đổi, kết nối dữ liệu truy xuất nguồn gốc với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia;

đ) Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán kinh phí vận hành, bảo trì, nâng cấp Hệ thống truy xuất nguồn gốc theo các yêu cầu vận hành trên thực tế;

e) Phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện bảo trì thường xuyên, đảm bảo Hệ thống truy xuất nguồn gốc hoạt động liên tục, ổn định và an toàn;

g) Cấp Giấy xác nhận tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các chủ thể OCOP đủ điều kiện;

h) Kiểm tra, xử lý, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

i) Tổng hợp báo cáo, trực tiếp điều hành, quản lý và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai, quản lý Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

2. Đối với quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý các hoạt động quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Hướng dẫn các tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý, chủ giấy chứng nhận nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận rà soát, chỉnh sửa quy chế quản lý và sử dụng

chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận phù hợp tình hình thực tế.

Điều 11. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương

1. Hỗ trợ các chủ thể OCOP thuộc lĩnh vực quản lý tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc.

2. Vận động các chủ thể OCOP sản xuất, kinh doanh các sản phẩm tương ứng tích cực tham gia để được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, lồng ghép thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành để tăng cường hỗ trợ, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận đã được bảo hộ.

4. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xử lý, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận thuộc thẩm quyền.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tuyên truyền, vận động các chủ thể OCOP tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, bố trí nguồn lực cần thiết để triển khai các hoạt động liên quan đến truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận thuộc thẩm quyền.

3. Chủ động phối hợp các sở, ngành, đơn vị trong việc phát động, hướng dẫn các tổ chức xây dựng, phát triển và quản lý, bảo vệ thương hiệu, nhãn hiệu trên địa bàn.

4. Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xử lý, giải quyết các khiếu nại, tố cáo về truy xuất nguồn gốc; chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận thuộc địa bàn quản lý.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Triển khai thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

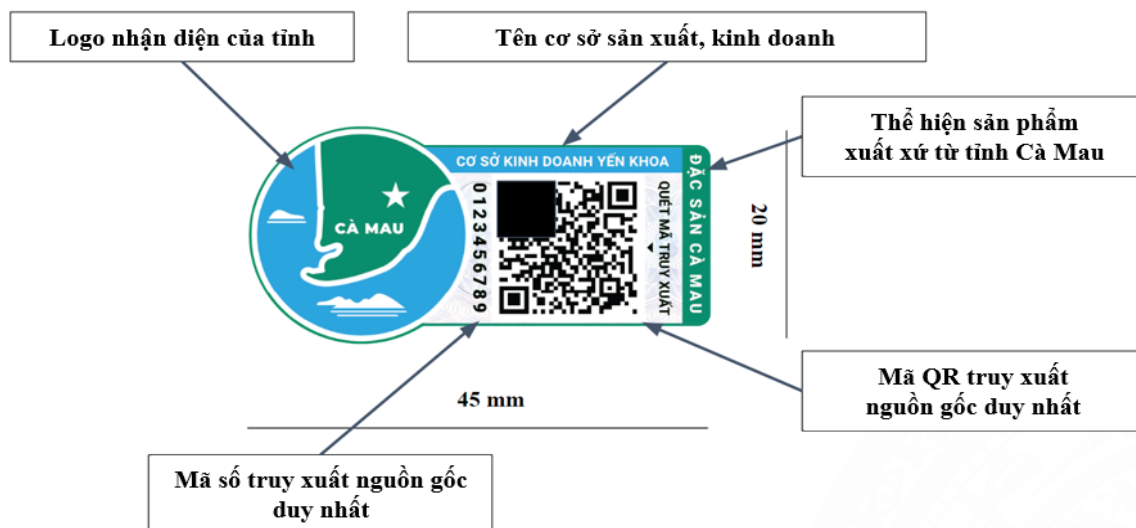
Điều 14. Trách nhiệm thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Phụ lục
MẪU TEM MÃ QR TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

1. Mẫu tem truy xuất nguồn gốc hình chữ nhật

a. Hình dạng

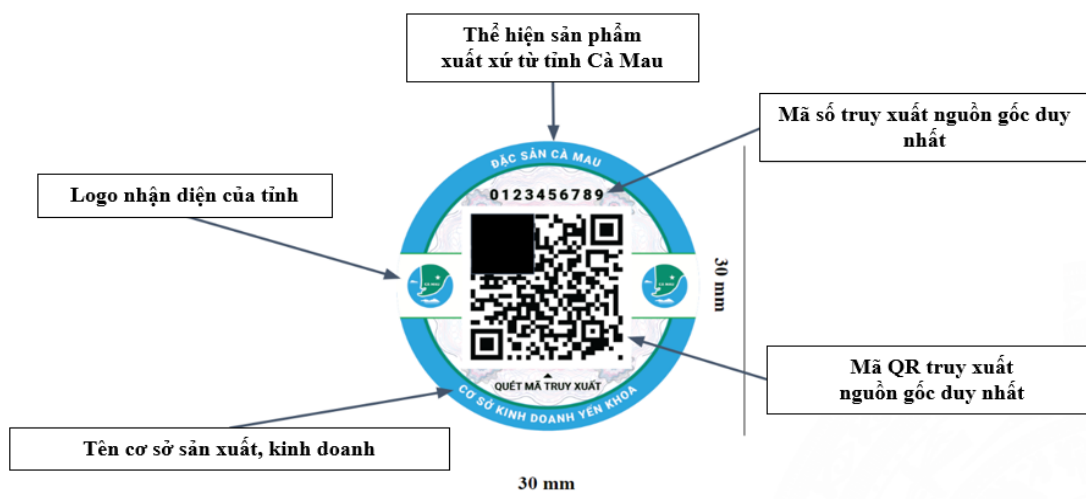


b. Quy cách

- Sản phẩm phù hợp để dán: tất cả các loại sản phẩm, ngoại trừ trái cây, cua
- Màu sắc: xanh dương, xanh lá, trắng và đen, có hoa văn chìm
- Kích thước tem: hình chữ nhật 45 mm x 20 mm
- Phong chữ: Roboto
- Chất liệu: decal vỡ, chống bóc gỡ
- Mã QR biến đổi.

2. Mẫu tem truy xuất nguồn gốc hình tròn

a. Hình dạng

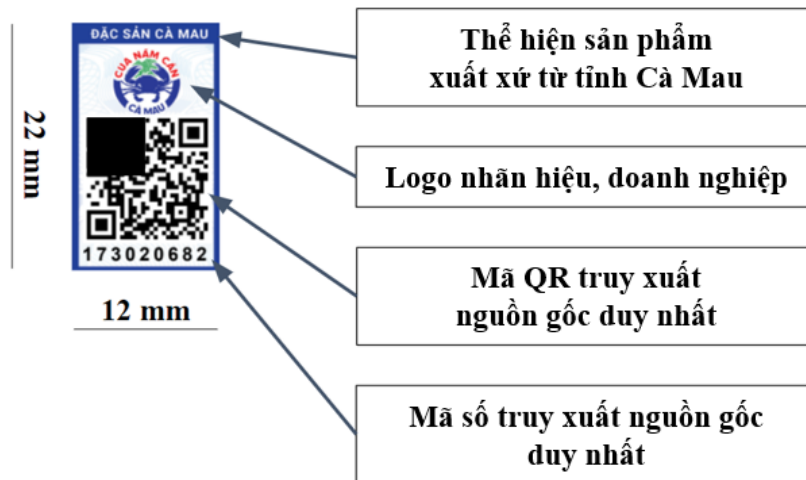


b. Quy cách

- Sản phẩm phù hợp để dán: trái cây
- Màu sắc: xanh dương, xanh lá, trắng và đen, có hoa văn chìm
- Kích thước tem: hình tròn đường kính 30 mm
- Phong chữ: Roboto
- Chất liệu: decal vỡ, chống bóc gỡ
- Mã QR biến đổi.

3. Mẫu tem truy xuất nguồn gốc dán trên dây rút

a. Hình dạng



b. Quy cách

- Sản phẩm phù hợp: cua
- Màu sắc: xanh dương, xanh lá, trắng và đen, có hoa văn chìm
- Kích thước tem: hình chữ nhật 22 mm x 12 mm
- Kích thước và màu sắc dây rút: tùy theo nhu cầu của các chủ thể OCOP sử dụng tem truy xuất nguồn gốc
- Phong chữ: Roboto
- Chất liệu: decal vỡ, chống bóc gỡ
- Mã QR biến đổi.